

Bản án số: 60/2022/HS-ST
Ngày: 10-5-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Xuân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Loan

Ông Nguyễn Thành Lam

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn Tuấn là Thư ký Tòa án - Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 53/2022/TLST-HS ngày 04 tháng 4 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 47/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2022, đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Minh D**, sinh năm 1989, tại Đồng Nai; nơi cư trú: khu phố T, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn D, sinh năm 1962 và bà Trần Thị T, sinh năm 1965; Bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án: Ngày 25/5/2018, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai xử phạt 04 (bốn) năm tù về tội Cướp giật tài sản theo Bản án số 30/2018/HSST (Đã chấp hành).

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 14/8/2015, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã L, tỉnh Đồng Nai áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai, thời hạn 18 (mười tám) tháng theo Quyết định số 230/QĐ.UBND ngày 20/12/2011(Đã chấp hành).

Bị cáo bị bắt từ ngày 23/12/2021. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2. **Bị hại:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp N, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Bị cáo có mặt; Bị hại xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Minh D, sinh năm 1989, là đối tượng có tiền án, nghiện ma túy, đang cư trú tại phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai

Vào khoảng 7 giờ sáng ngày 07/12/2021 Lê Minh D điều khiển xe mô tô 60B2-76230 đi từ thành phố L đến thị trấn Dầu Giây, huyện T để mua phụ tùng xe máy theo Quốc lộ 1A. Khi đi đến khu vực ngã tư Dầu Giây, Lê Minh D phát hiện thấy xe mô tô 60B7-59073 do chị Nguyễn Thị Mỹ C, sinh năm 1990 điều khiển chở người ngồi sau là chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1985 đang ôm 01 thùng giấy và có để 01 bóp da màu xám giữa thùng giấy và người chị T, D tiếp tục điều khiển xe mô tô chạy theo phía sau mục đích tìm kiếm nơi ít người qua lại để cướp giật tài sản. Khi xe mô tô 60B7-59073 do chị Nguyễn Thị Mỹ C chở chị T đi vào đường N31 khu dân cư A1-C1 thuộc khu phố L, thị trấn D nơi vắng người qua lại, Lê Minh D điều khiển xe mô tô vượt lên bên phải đồng thời dùng tay trái giật lấy bóp da màu xám của chị T để trên thùng giấy phía trước người, rồi tăng ga xe chạy ra hướng Quốc lộ 1A chạy về TP L, chị C và chị T có đuổi theo nhưng không kịp. Sau khi cướp được tài sản Lê Minh D đi đến lô cao su gần đèo mẹ bông con mở bóp da màu xám ra thì phát hiện bên trong có 60.000.000 đồng tiền mặt (*Sáu mươi triệu đồng*) một số giấy tờ của chị Nguyễn Thị Thuận, Danh lấy hết tiền rồi vứt bỏ bóp da, áo khoác, nón lưỡi trai xuống lô cao su rồi điều khiển xe mô tô chạy về L, số tiền Danh cướp được đã trả nợ và tiêu xài cá nhân hết. Chị Nguyễn Thị T và chị Nguyễn Thị Mỹ C đến Công an thị trấn D trình báo, đến ngày 23/12/2021 Lê Minh D biết hành vi cướp giật tài sản đã bị bại lộ nên đến Công an huyện T đầu thú. Quá trình điều tra, Lê Minh D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Về vật chứng:

- Số tiền 60.000.000 đồng Lê Minh D cướp giật được đã trả nợ và tiêu xài cá nhân hết, Cơ quan điều tra không thu hồi được. Trong quá trình điều tra gia đình Lê Minh D đã bồi thường cho chị Nguyễn Thị T số tiền 60.000.000 đồng, chị T đã nhận tiền và bãi nại trách nhiệm dân sự cho D.

- Đối với 01 bóp da màu xám, bên trong có giấy tờ của chị Nguyễn Thị T, 01 nón lưỡi trai, 01 áo khoác màu đen của Lê Minh D. Danh khai nhận sau khi lấy hết tiền D vứt bỏ ở lô cao su, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu hồi được.

- 01 (một) Xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade biển số 60B2-76230 của Lê Minh D sử dụng làm phương tiện phạm tội; 01 (một) quần lửng màu xám, 01 (một) nón bảo hiểm màu xanh của Lê Minh D liên quan đến hành vi phạm tội.

- Cơ quan điều tra thu giữ 01 UBS (hiệu Kingmax, dung lượng 16GB) có chứa 05 đoạn video Clip ghi lại toàn bộ hình ảnh quá trình di chuyển của Lê Minh D đi theo chị T và chị C để thực hiện hành vi cướp giật tài sản, đưa vào hồ sơ vụ án.

Về dân sự: Chị Nguyễn Thị T đã nhận lại tài sản, làm đơn bãi nại về dân sự, cam kết không thắc mắc khiếu nại về sau.

Tại Cáo trạng số 26/CT-VKS-TN ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố Lê Minh D về tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội, giữ nguyên quan

điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 05 (năm) năm đến 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử quyết định về án phí hình sự sơ thẩm và xử lý vật chứng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lê Minh D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tham gia tranh luận, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo có trong hồ sơ vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng khác khẳng định khai báo tự nguyện, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Bị hại là Chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 292 và Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] *Về tội danh và khung hình phạt:* Tại phiên tòa, bị cáo Lê Minh D khai nhận hành vi phạm tội do mình thực hiện như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, lời khai nhận tội này phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 8 giờ ngày 07/12/2021 trên đoạn đường N31 khu dân cư A1-C1 thuộc khu phố L, thị trấn D, huyện T nơi vắng người qua lại, Lê Minh D điều khiển xe mô tô 60B2-76230 là phương tiện có nguồn nguy hiểm cao độ để thực hiện hành vi cướp giật 01 bóp da màu xám bên trong có số tiền 60.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị Thuận đang ngồi sau xe mô tô 60B7-59073 do chị Nguyễn Thị Mỹ C điều khiển. Hành vi của Lê Minh D thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” với 02 tình tiết định khung hình phạt “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*” và “*Dùng thủ đoạn nguy hiểm*” theo quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng số 26/CT-VKS-TN ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố Lê Minh D về tội danh và khung hình phạt như đã nêu trên là đúng người, đúng tội và không oan sai cho bị cáo.

[3] *Về tính chất, mức độ hành vi của bị cáo:* Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được Pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được

hành vi cướp giật tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự trên địa bàn. Bản thân bị cáo có 01 tiền án và bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã L, tỉnh Đồng Nai áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai thể hiện bị cáo là người xem thường Pháp luật lại có nhân thân xấu. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt tù tương xứng với hành vi của bị cáo, nhằm mục đích răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Ngày 25/5/2018, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai xử phạt 04 (bốn) năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 30/2018/HSST. Đây là tình tiết tăng nặng “*Tái phạm*” đối với bị cáo được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Xét thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn, hối cải về hành vi đã thực hiện; Bị cáo đã đầu thú; tự nguyện khắc phục hậu quả là trả lại toàn bộ số tiền 60.000.000 đồng cho bị hại và được bị hại bãi nại đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, là căn cứ xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Về quyết định hình phạt: Trên cơ sở đánh giá tính chất, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Xét thấy mặc dù bị cáo đã tự khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn, hối cải về hành vi đã thực hiện, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng bản thân bị cáo là người có 01 tiền án, nhân thân xấu nên cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội để bị cáo suy nghĩ về hành vi phạm tội của mình, tự giác cải tạo, học tập, lao động trở thành công dân sống lương thiện, có ích cho xã hội và biết tuân thủ pháp luật.

[7] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ tại khoản 5 Điều 171 Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng*”. Xét thấy, bị cáo không có việc làm, không có thu nhập và không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận tài sản và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Về vật chứng vụ án: 01 xe mô tô 60B2-76230, nhãn hiệu Honda Airblade là công cụ bị cáo thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu sung công; 01 quần lửng màu xám, 01 nón bảo hiểm màu xanh của Lê Minh D liên quan đến hành vi phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

[10] Xét ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về phần tội danh, điều khoản truy tố, hình phạt, trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng là có căn cứ và phù hợp với các tình tiết của vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa nên được chấp nhận.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm.

[12] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo và bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: điểm c, d khoản 2 Điều 171; Điều 46; Điều 47; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Điều 106; khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên bố bị cáo Lê Minh D phạm tội: “Cướp giật tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Minh D 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/12/2021.

2. Về vật chứng vụ án:

Tịch thu sung công 01 (một) xe mô tô có Biển kiểm soát 60B2-76230, nhãn hiệu Honda Airblade; Tịch thu tiêu hủy 01 (một) quần lửng màu xám, 01 (một) nón bảo hiểm màu xanh. *(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 01/4/2022 giữa Công an huyện T và Chi cục Thi hành án dân sự huyện T).*

3. Về án phí: Buộc bị cáo Lê Minh D phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Xuân

[10] Xét ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về phần tội danh, điều khoản truy tố, hình phạt, trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng là có căn cứ và phù hợp với các tình tiết của vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa nên được chấp nhận.

[11] *Về án phí:* Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm.

[12] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo và bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: điểm c, d khoản 2 Điều 171; Điều 46; Điều 47; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Điều 106; khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên bố bị cáo Lê Minh D phạm tội: “Cướp giật tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Minh D 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/12/2021.

2. Về vật chứng vụ án:

Tịch thu sung công 01 (một) xe mô tô có Biển kiểm soát 60B2-76230, nhãn hiệu Honda Airblade; Tịch thu tiêu hủy 01 (một) quần lửng màu xám, 01 (một) nón bảo hiểm màu xanh. *(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 01/4/2022 giữa Công an huyện T và Chi cục Thi hành án dân sự huyện T).*

3. Về án phí: Buộc bị cáo Lê Minh D phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**